

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05-5-2026

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Sơn Lâm

2. Bà Lê Thị Xuân Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 397/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993. (Xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh N1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà N trong quá trình giải quyết có trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông Huỳnh Thanh N1 đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới đến ngày 30/9/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ. Bà và ông N1 chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sau đó ông N1 đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh và ly thân cho đến nay. Do không còn tình cảm nên bà xin ly hôn với ông N1.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông N1 có 01 con chung tên Huỳnh

Duy K, sinh ngày 06/8/2013. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, riêng và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Huỳnh Thanh N1 mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông N1. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Duy K, sinh ngày 06/8/2013 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N1 không yêu cầu. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không xem xét giải quyết do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N xin ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Thanh N1 thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Cần Thơ.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân của bà N và ông N1 đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Thời gian ly thân nguyên đơn, bị đơn không hàn gắn được tình cảm; cho thấy nguyên đơn, bị đơn mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ

cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông N1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Huỳnh Duy K, sinh ngày 06/8/2013. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ lúc ly thân cháu K do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và cháu K có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cháu K cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 54, 56, 69, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh N1.

- *Về con chung:* Giao cháu Huỳnh Duy K, sinh ngày 06/8/2013 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu

Ông N1 có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ*: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0000148 ngày 06/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKS KV 4 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Nhật Trường

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kim P - Đ

